

Phụ lục I
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 13 /QĐ-VPUBND ngày 20 tháng 01 năm 2023
của Văn phòng UBND Tỉnh)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Văn phòng UBND Tỉnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán quý IV	Thực hiện quý IV	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	5,014	4,383	87%	76%
1	Chi quản lý hành chính	5,014	4,383	87%	76%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2,446	2,407	98%	129%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2,568	1,976	77%	83%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Đào tạo khác trong nước				

Số TT	Nội dung	Dự toán quý IV	Thực hiện quý IV	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý IV năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	<i>Khen thưởng ngành giáo dục</i>				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Phụ lục II
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 13 /QĐ-VPUBND ngày 20 tháng 01 năm 2023
của Văn phòng UBND Tỉnh)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Văn phòng UBND Tỉnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện/Dự toán giao (tỷ lệ %)	Ước thực hiện nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	20,055	19,897	99%	103%
1	Chi quản lý hành chính	20,055	19,897	99%	103%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9,784	9,784	100%	106%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	10,271	10,113	98%	100%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học CN				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện/Dự toán giao (tỷ lệ %)	Ước thực hiện nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	<i>Đào tạo khác trong nước</i>				
	<i>Khen thưởng ngành giáo dục</i>				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				